

Số: 145 /TK-MBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 05 năm 2017.

**TỜ KHAI
XIN PHÉP SỬ DỤNG THẺ ABTC**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Ngoại vụ tỉnh Bắc Giang.

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Cường**
2. Nam, nữ: Nam
3. Sinh ngày: **18 tháng 09 năm 1982** tại Bắc Giang.
4. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **98 Đào Sư Tích – Ngô Quyền TP Bắc Giang.**
5. Hộ chiếu số: **B3997809**, Loại: **Phổ thông.**
6. Cấp ngày: **13/ 04 / 2010**; Giá trị đến ngày: **13 / 04 / 2020.**
7. Cơ quan cấp: **Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh.**
8. Tên cơ quan/ doanh nghiệp: **Công Ty Cổ phần – Tổng Cty May Bắc Giang.**
Địa chỉ: **349 – Giáp Hải – Phố Kế - TP Bắc Giang .**
Điện thoại: **0240 3557 631.**
9. Chức vụ hoặc nghề nghiệp: **Phó giám đốc điều hành Công ty.**
10. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập doanh nghiệp số: **2400111910**, thay đổi lần thứ **11** ngày: **31/03/2017**, do: **Sở kế hoạch – đầu tư tỉnh Bắc Giang** cấp.
Ngành nghề kinh doanh: **Gia công hàng May mặc xuất khẩu.**
Đề nghị xét, cho phép cấp thẻ ABTC đến nền kinh tế thành viên: **APEC**
Mục đích: **Kinh doanh**
Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, giải quyết./.

Xác nhận

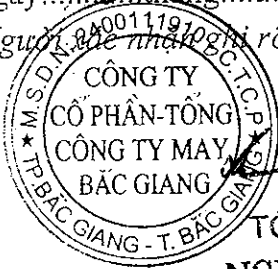
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Làm tại Bắc Giang ngày 15/05/2017.


Thủ trưởng doanh nghiệp hoặc cơ quan trực tiếp quản lý người đề nghị xét, cho phép sử dụng thẻ ABTC xác nhận lời khai trên là đúng

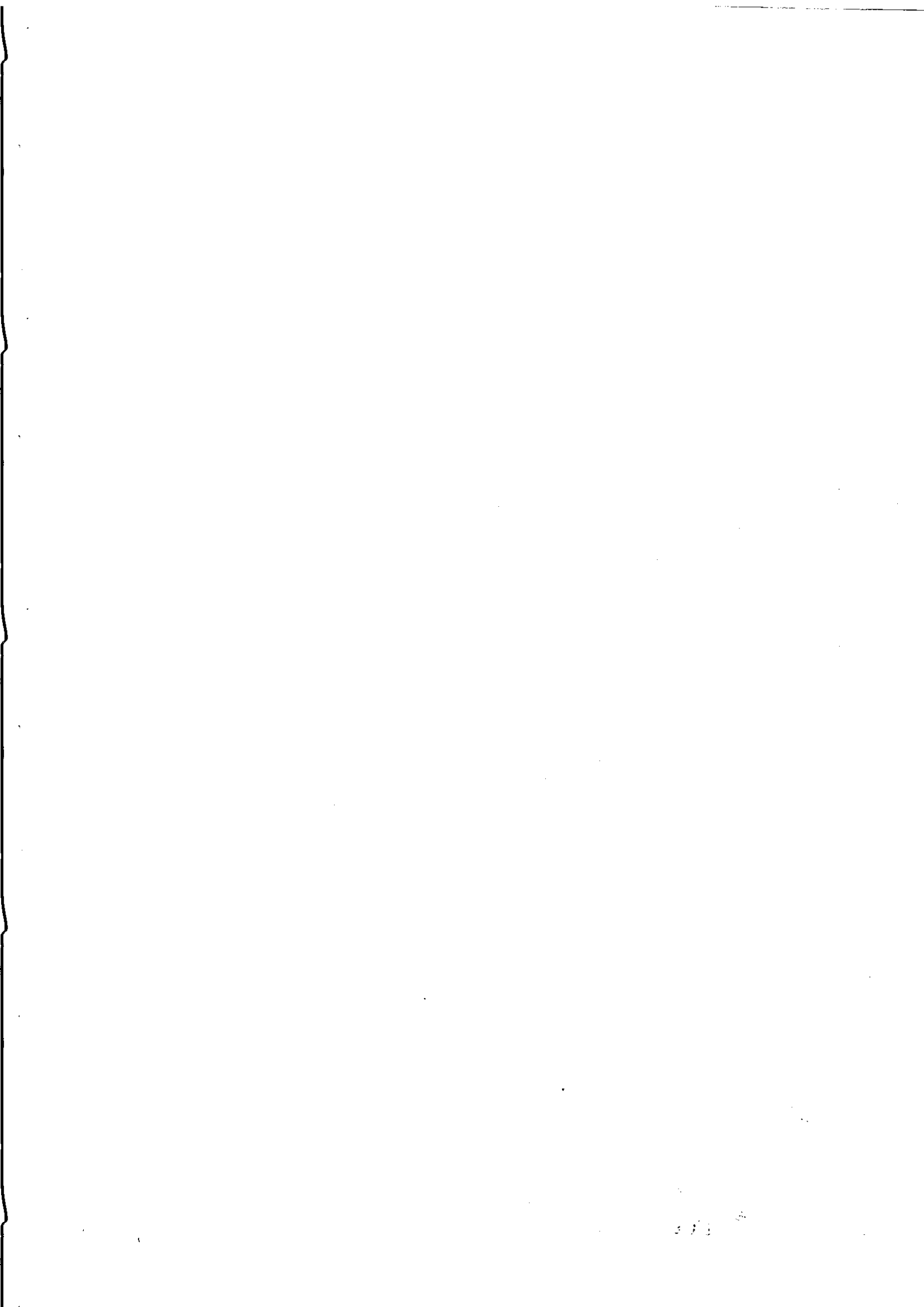
Ngày...18 tháng...05...năm...2017.....

(Người đề nghị ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU PHẢI**


Nguyễn Hữu Cường



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 2400111910

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC GIANG GARMENT CORPORATION
Tên công ty viết tắt: BGG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 349 Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0240.3854645

Fax: 0240.3557382

Email: contact@bagarco.vn

Website: bagarco.vn

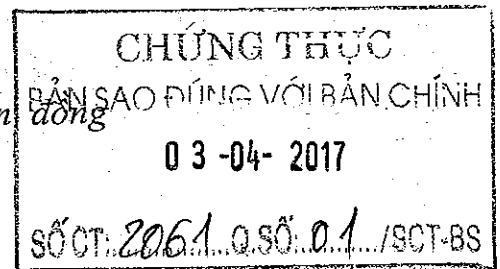
3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 300.309.600.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm tỷ ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.030.960



4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU PHẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 28/08/1957 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 120941446

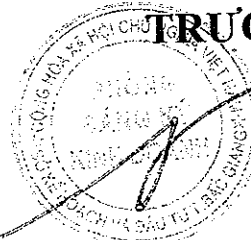
Ngày cấp: 11/07/2001 Nơi cấp: Công an Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

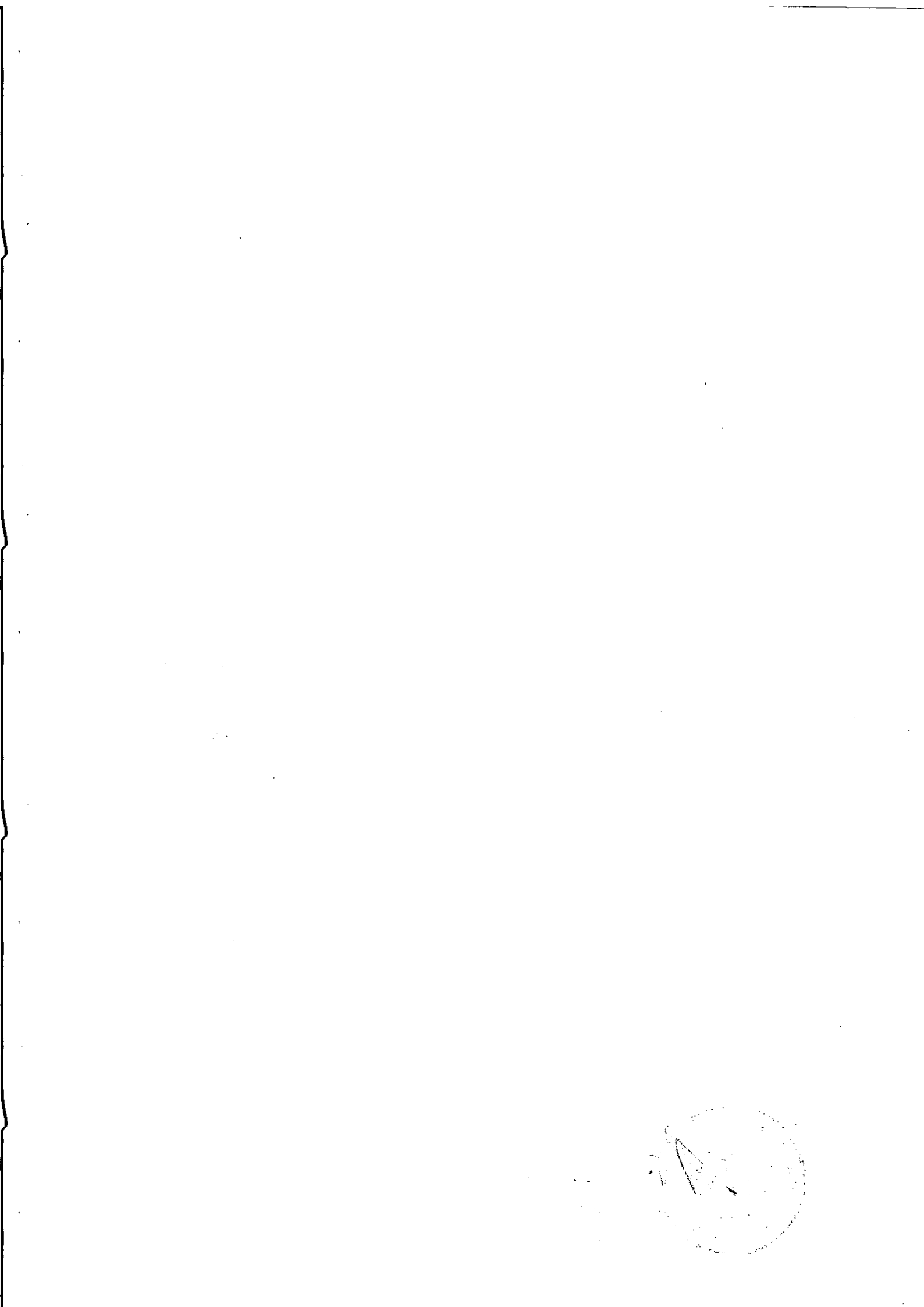


PHÓ CHỦ TỊCH
THÂN QUÝ EINH



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hữu Phải



**CÔNG TY CP MAY
BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 140 /QĐ - CTHĐQT.

Bắc Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2012.

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: BỔ NHIỆM CÁN BỘ)

HDQT CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BẮC GIANG

- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần may Bắc Giang.
- Căn cứ nghị quyết cuộc họp phiên thứ nhất HDQT Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017, ngày 02/03/2012 về việc bổ nhiệm cán bộ thuộc đối tượng HDQT công ty quản lý.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Cường - Nguyên là Phó Giám đốc điều hành Công ty, trực tiếp điều hành Xí nghiệp may 5, thuộc Công ty cổ phần may Bắc Giang nhiệm kỳ 2007 - 2012, làm Phó Giám đốc Điều hành Công ty trực tiếp điều hành Xí nghiệp may 5 thuộc Công ty cổ phần may Bắc Giang nhiệm kỳ 2012 - 2017 kể từ ngày 03/03/2012.

- Nhiệm vụ cụ thể do Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách Khu vực Bắc Giang phân công, chịu trách nhiệm trước Phó Tổng Giám đốc Công ty, HDQT Công ty và Pháp luật nhà nước về nhiệm vụ được giao.

Điều II : Ông Nguyễn Hữu Cường có trách nhiệm tiếp nhận và điều hành công việc theo đúng quy định tại điều I quyết định này.

Điều III: Mức lương chính của ông Nguyễn Hữu Cường được hưởng thang lương quản lý doanh nghiệp bậc 1/5 hệ số tiền lương 3,50.

- Lương thực tế hưởng theo quy chế trả lương của Công ty.

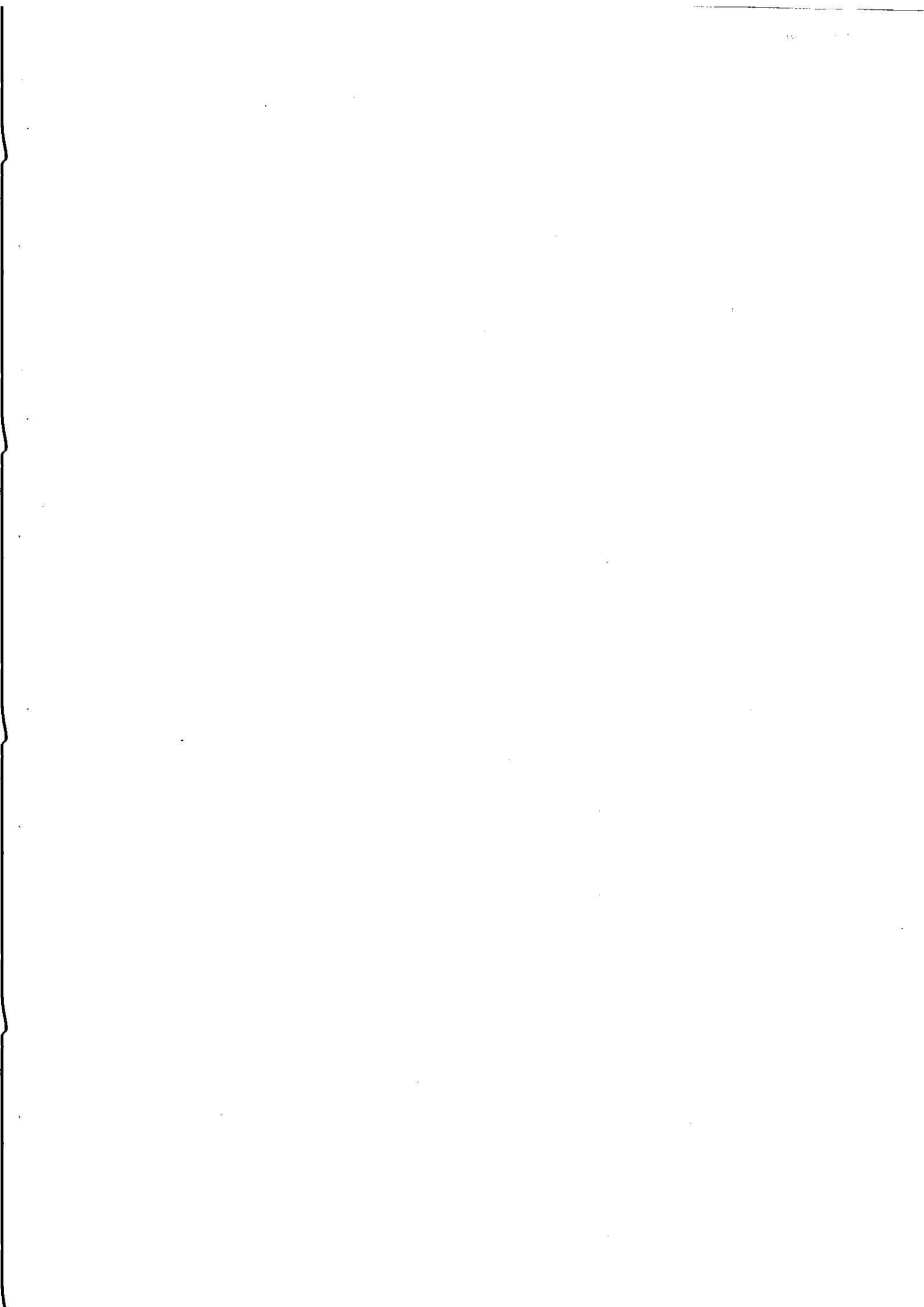
Điều IV: Các ông Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng KTTV, Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Hữu Cường căn cứ quyết định thi hành.

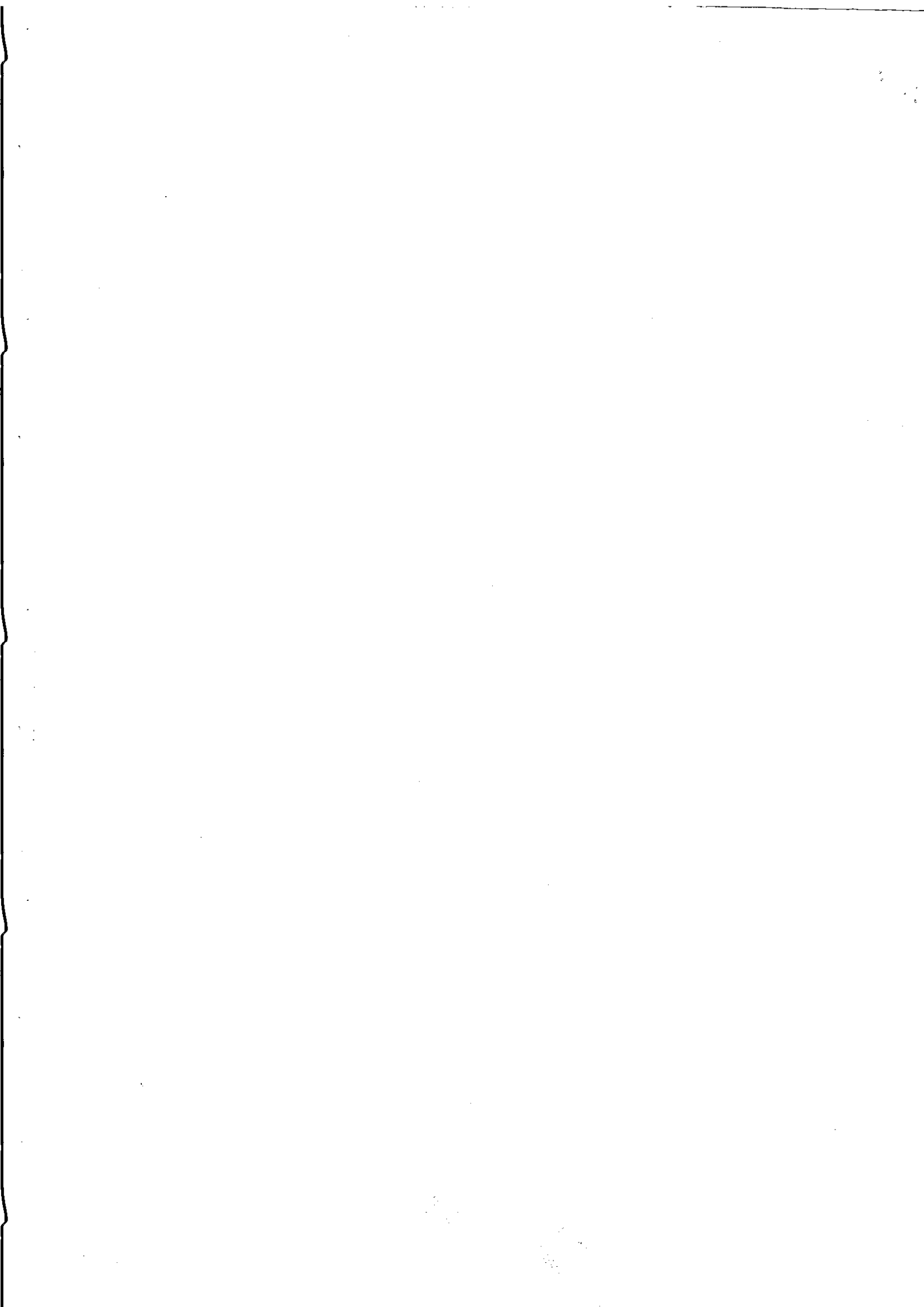
Nơi nhận:
+ HDQT CTY
+ Như Điều IV
+ Lưu HS

T/M HDQT CÔNG TY



Nguyễn Hữu Phải





<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

0133910092

Số tờ khai **301339100920** Số tờ khai đầu tiên
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **E52 3**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **DTGCHP**
 Ngày đăng ký **22/05/2017 07:53:48**
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

Mã số thuế đại diện **6203**
 Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày thay đổi đăng ký / /

Người xuất khẩu
 Mã **2400111910**
 Tên **Công Ty Cổ Phần - Tổng Công Ty May Bắc Giang**
 Mã bưu chính **(+84)43**
 Địa chỉ **Số 349, Đường Giáp Hải, Phường Đình Kê, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang**
 Số điện thoại **02403538665**

Người ủy thác xuất khẩu
 Mã
 Tên

Người nhập khẩu
 Mã
 Tên **PT.DAEHAN GLOBAL/OLD NAVY, LLC**
 Mã bưu chính
 Địa chỉ **2 FOLSOM STREET SAN FRANCISCO CA,**
 94105 US
 Mã nước **US**

Mã nhân viên Hải quan

Đại lý Hải quan

Số vận đơn **127 CT**
 Số lượng **1.554,14 KGM**
 Tổng trọng lượng hàng (Gross)
 Địa điểm lưu kho **03EEC10 CTY TIEP VAN SITC DV**
 Địa điểm nhận hàng cuối cùng **USZZZ GALLATIN, TN**
 Địa điểm xếp hàng **VNHPH CANG HAI PHONG**
 Phương tiện vận chuyển dự kiến **9999 BIEN DONG NAVIGATOR NB719E**
 Ngày hàng đi dự kiến **25/05/2017**
 Ký hiệu và số hiệu

Giấy phép xuất khẩu	Số hóa đơn		
1	Số tiếp nhận hóa đơn điện tử		
2	Ngày phát hành		TTR
3	Phương thức thanh toán	FOB - USD -	28.867,62 - D
4	Tổng trị giá hóa đơn		
5	Tổng trị giá tính thuế	USD - 22.661	28.867,62 -
	Tỷ giá tính thuế		
	Tổng hệ số phân bổ trị giá		
Phân loại không cần quy đổi VND	Người nộp thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Phân loại nộp thuế A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu		Tổng số tiền lệ phí	VND
Số tiền bảo lãnh			
	Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Số đính kèm khai báo điện tử **1**
 Phần ghi chú **06/BG-DH/16#&12122015#&31122017#& Hàng lẻ giao kho CTY TIEP VAN SITC DV**
 Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp
 Số quản lý người sử dụng **00461**

Mục thông báo của Hải quan
 Tên trưởng đơn vị Hải quan **CCT CC HQ QL hàng DT-GC Hải Phòng**
 Ngày hoàn thành kiểm tra **22/05/2017 07:53:**
 Ngày cấp phép xuất nhập **22/05/2017 07:53:**
 Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)
 Địa điểm **22/05/2017** Ngày đến Ngày khởi hành
 Thông tin trung chuyển
 1
 2
 3
 Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế **03EEC10 22/05/2017**



<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai **301339100920.00**

Số tờ khai đầu tiên

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1

Mã loại hình E52 3

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

DTGCHP

Mã số thuế đại diện 6203

Ngày đăng ký 22/05/2017 07:53:48

Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Ngày thay đổi đăng ký / /

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã 1 18BCZ78 2 3 4 5

Tên CTY CP MAY BAC GIANG

Địa chỉ THÔN BẢNG, XÃ NGHĨA HÒA, LẠNG GIANG, BẮC GIANG

Số container

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20
21	22	23	24	25
26	27	28	29	30
31	32	33	34	35
36	37	38	39	40
41	42	43	44	45
46	47	48	49	50

Chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Tờ khai: **301339100920** Số tờ khai đầu tiên
 Tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Phân loại kiểm tra: **1** Mã loại hình: **E52 3** Mã số thuế đại diện: **6203**
 Cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: **DTGCHP** Mã bộ phận xử lý tờ khai: **00**
 Ngày đăng ký: **22/05/2017 07:53:48** Ngày thay đổi đăng ký: **/ /**
 Hạn tái nhập/ tái xuất: **/ /**

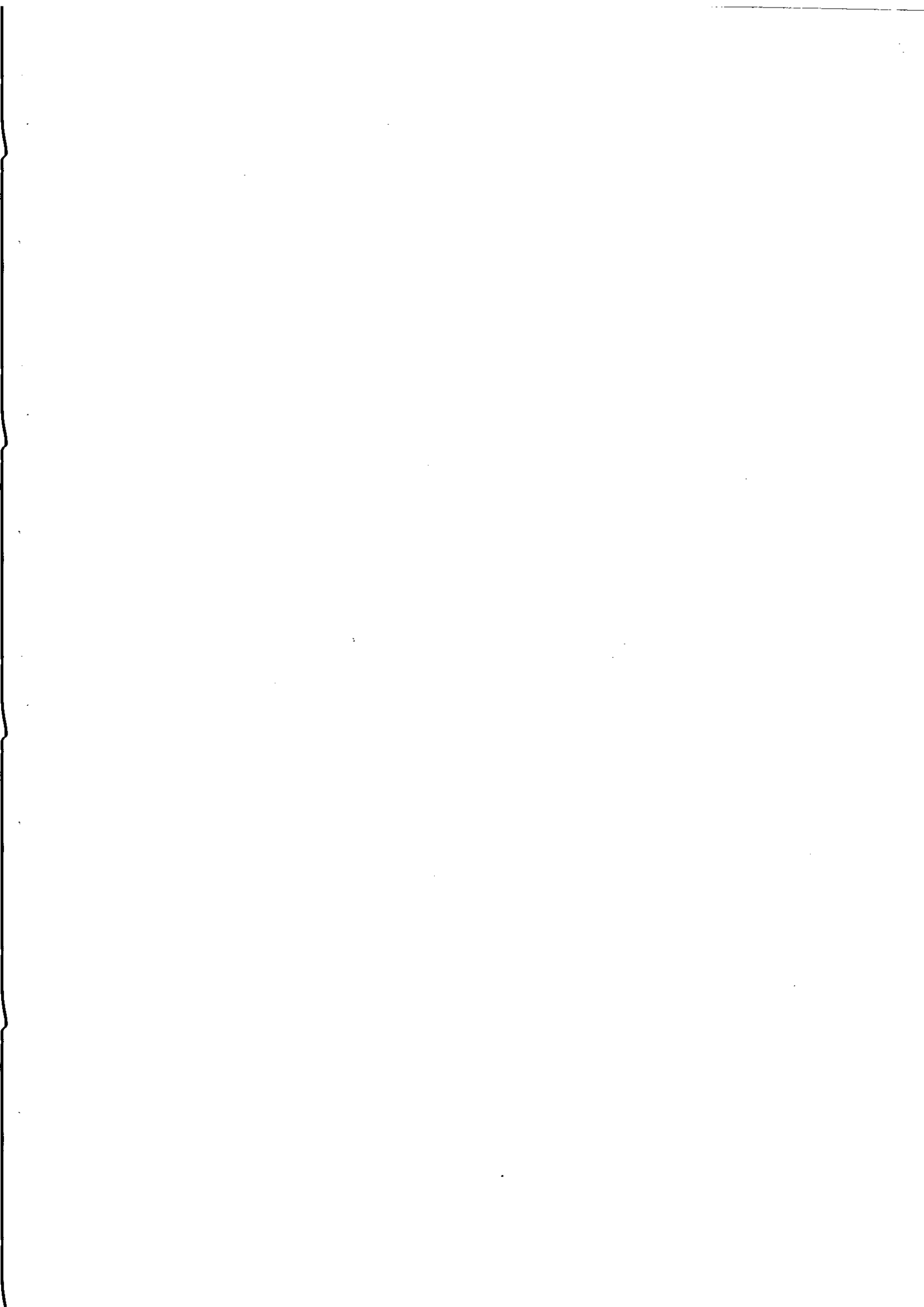
Mã quản lý riêng: **203PA** Mã phân loại tái xác nhận giá: **62034290**
 Mã hàng hóa: **503868#&Quần sóc trẻ em nam một lớp(100% Cotton)#&VN**

Số lượng (1): **7.181 PCE**
 Số lượng (2): **4,02 - USD - PCE**
 Đơn giá hóa đơn: **28.867,62**
 Giá hóa đơn: **654.169.136,82 VN**
 Trị giá tính thuế (M): **91.097,22 VND PCE**
 Đơn giá tính thuế: **21.469,23**

Thuế suất: **10%**
 Số tiền thuế: **9.109.722 VND**
 Số tiền miễn giảm: **0 VND**
 Tiền bảo hiểm: **0 VND**
 Đơn giá: **0 VND**
 Số lượng: **0**
 Khoản tiền: **0 VND**
 Mã văn bản pháp luật khác: **XNG82**
 Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu: **SP GIA CONG XUAT TRA NUOC NGOAI (DOI TUONG MIEN THUE XK)**



K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
P. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY HỌC



<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0141743792

Số tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **E21 1 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **5407**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **DTGCHP** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **22/05/2017 14:18:19** Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu
 Mã **2400111910**
 Tên **Công Ty Cổ Phần - Tổng Công Ty May Bắc Giang**
 Mã bưu chính **(+84)43**
 Địa chỉ **Số 349, Đường Giáp Hải, Phường Đình Kê, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang**
 Số điện thoại **0240 3558156**
 Người ủy thác nhập khẩu
 Mã
 Tên

Người xuất khẩu
 Mã
 Tên **TEXTYLE ASIA PTE LTD**
 Mã bưu chính
 Địa chỉ **86 LORONG TANGGAM SINGAPORE 798768**
 Mã nước **SG**



Đại lý Hải quan		Mã nhân viên Hải quan
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	01B3A02 CTY DVHH NOI BAI (N)
1 ASU17050432	Địa điểm dỡ hàng	VNHAN HA NOI
2	Địa điểm xếp hàng	CNSHA SHANGHAI
3	Phương tiện vận chuyển	CZ3504/18MAY
4	Ngày hàng đến	19/05/2017
5	Ký hiệu và số hiệu	
Số lượng	Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	Mã văn bản pháp quy khác	
Số lượng container		

Số hóa đơn **A - 02TEX-30KIEN617**
 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
 Ngày phát hành **18/05/2017**
 Phương thức thanh toán **KHONGTT**
 Tổng trị giá hóa đơn **B - CPT - USD - 4.469**
 Tổng trị giá tính thuế **101.272.009**
 Tổng hệ số phân bổ trị giá **4.469 -**
 Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu		Mã phân loại khai trị giá	
1	2	-	3
4	5	-	-
Khai trị giá tổng hợp		-	
Các khoản điều chỉnh		-	
Phí vận chuyển		-	
Phí bảo hiểm		-	
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	-
2	-	-	-
3	-	-	-
4	-	-	-
5	-	-	-

Chi tiết khai trị giá

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		VND
1	VND	Tổng tiền thuế phải nộp		VND
2	VND	Số tiền bảo lãnh	USD -	22.661
3	VND	Tỷ giá tính thuế	-	
4	VND		-	
5	VND		-	
6	VND	Mã xác định thời hạn nộp thuế		Người nộp thuế
		Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế
		Tổng số trang của tờ khai	4	Tổng số dòng hàng của tờ khai

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng /
 Mã phân loại kiểm tra **1** Mã loại hình **E21 1 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **5407**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **DTGCHP** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **22/05/2017 14:18:19** Ngày thay đổi đăng ký /
 Số đính kèm khai báo điện tử **1** Thời hạn tái nhập/ tái xuất **3**
 Phần ghi chú **02/TEX-BG/2016#&07062016#&07102017#&**

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp
 Phân loại chỉ thị của Hải quan

Số quản lý người sử dụng **00827**

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan **CCT.CC.HQ.QL hàng ĐT-GC Hải Phòng**
 Ngày cấp phép **22/05/2017 14:18:19**
 Ngày hoàn thành kiểm tra **22/05/2017 14:18:19**
 Phân loại thẩm tra sau thông quan
 Ngày phê duyệt BP / /
 Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
 Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển 1	/ /	/ /
2	/ /	/ /
3	/ /	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế	/ /	/ /

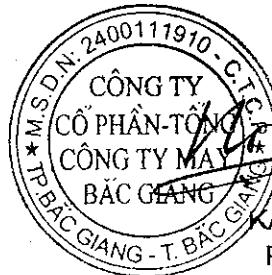
Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

MP> Tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên /
 Tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E21 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 5407
 n cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
 Ngày đăng ký 22/05/2017 14:18:19 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

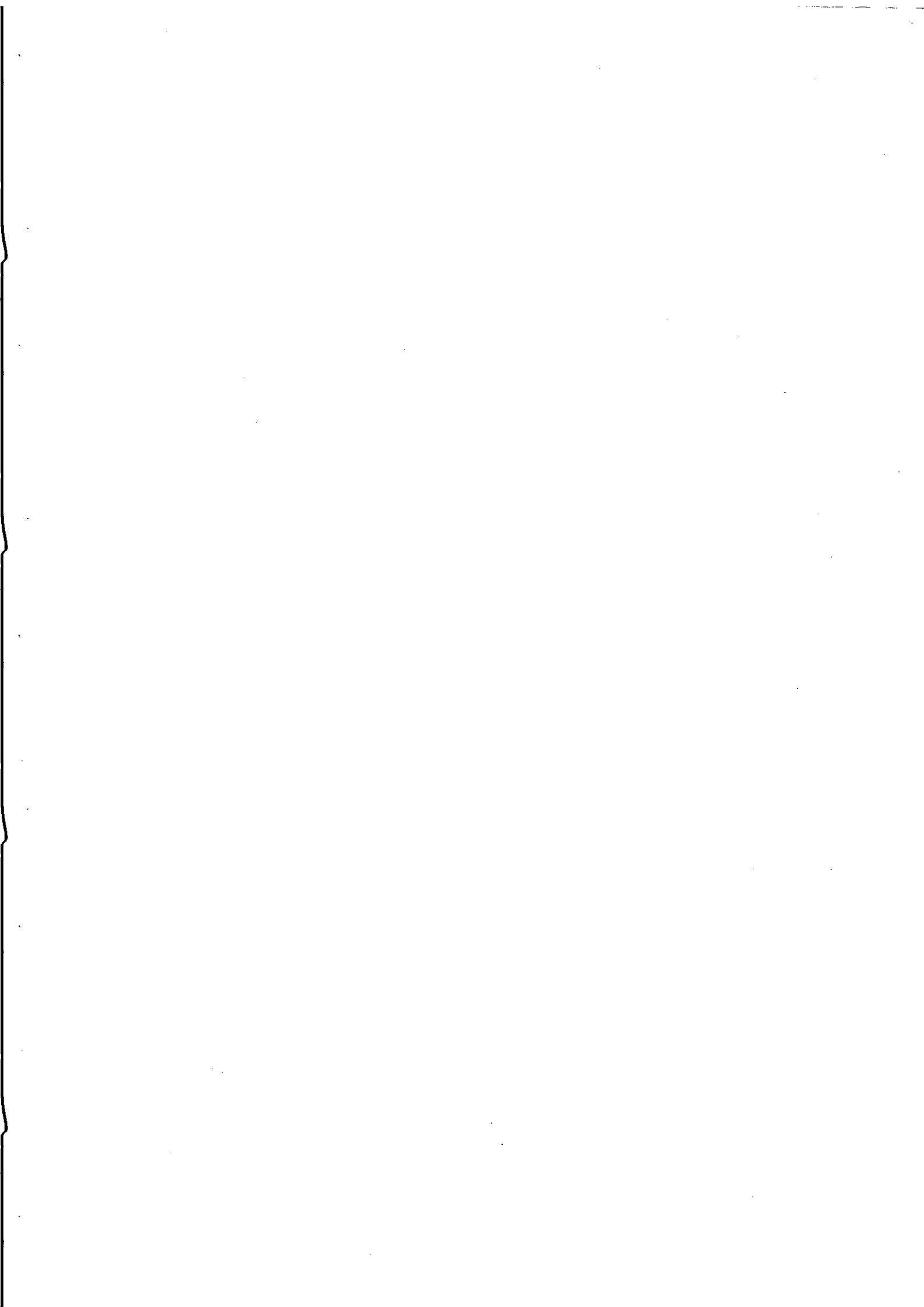
Mã hàng hóa 54075200 Mã quản lý riêng 103PA Mã phân loại tái xác nhận gì []
 Mã hàng hóa V004#&vải dệt thoi có tỷ trọng sợi filament polyeste dùn từ 85% trở lên (100% Polyester), đã
 nhuộm, khổ 145cm (1686 yds)

Số lượng (1)	2.235,43	MTK
Số lượng (2)		
Đơn giá hóa đơn	0,829639 USD	MTK
Giá hóa đơn	1.854,6	
Giá trị tính thuế (S)	42.027.090,6 VND	
Số lượng tính thuế		
Thuế suất	M	
Số tiền thuế	VND	
Số tiền miễn giảm	VND	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng		
Danh mục miễn thuế nhập khẩu		
Loại / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu		
XNG81	HANG NK DE GIA CONG CHO NUOC NGOAI (DOI TUONG MIEN THUE NK)	

Thuế và thu khác		Mã áp dụng thuế suất	
Tên	Thuế GTGT		V
Trị giá tính thuế	42.027.090,6 VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND	VK120	NGUYEN LIEU NK DE SAN XUAT, GIA CONG HANG XK
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		
Tên		Mã áp dụng thuế suất	
Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
Số tiền thuế	VND		
Số tiền miễn giảm	VND		



KT TỔNG GIÁM ĐỐC
 P. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY HỌC





HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

SỐ: 04/UN-BG/17

Ngày: 23/03/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 349 Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Tel: (84) 2403 558156 Fax: (84) 2403 557 382
Do ông Nguyễn Hữu Phải - Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện
Được gọi là bên B (Bên nhận gia công).

Và : MARUBENI CORPORATION.

Địa chỉ: 4-2, OHTEMACHI 1-CHOME CHIYODA-KU, TOKYO, JAPAN.
Tel : (81)-3-5354-5125. Fax: (81)-3-5354-5159
Do Ông Y.Takikawa - Tổng Giám đốc làm đại diện
Được gọi là bên A (Bên thuê gia công).

Hai bên nhất trí ký hợp đồng gia công theo những điều kiện và điều khoản sau:

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Bên B gia công hàng may mặc xuất khẩu cho bên A, trên cơ sở bên A cung cấp miễn phí Nguyên phụ liệu, Tài liệu kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác cho bên B để bên tiến hành sản xuất, đảm bảo năng lực yêu cầu của bên A về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng.
- Hợp đồng này được thực hiện và điều chỉnh bởi các luật và tuân thủ các quy định về Luật, thuế, thủ tục hải quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Bất kỳ sự điều chỉnh nào trong hợp đồng đều phải được thực hiện bằng văn bản và được ký bởi người đại diện hoặc ủy quyền của cả hai bên.

II. TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ GIA CÔNG, TỔNG GIÁ:

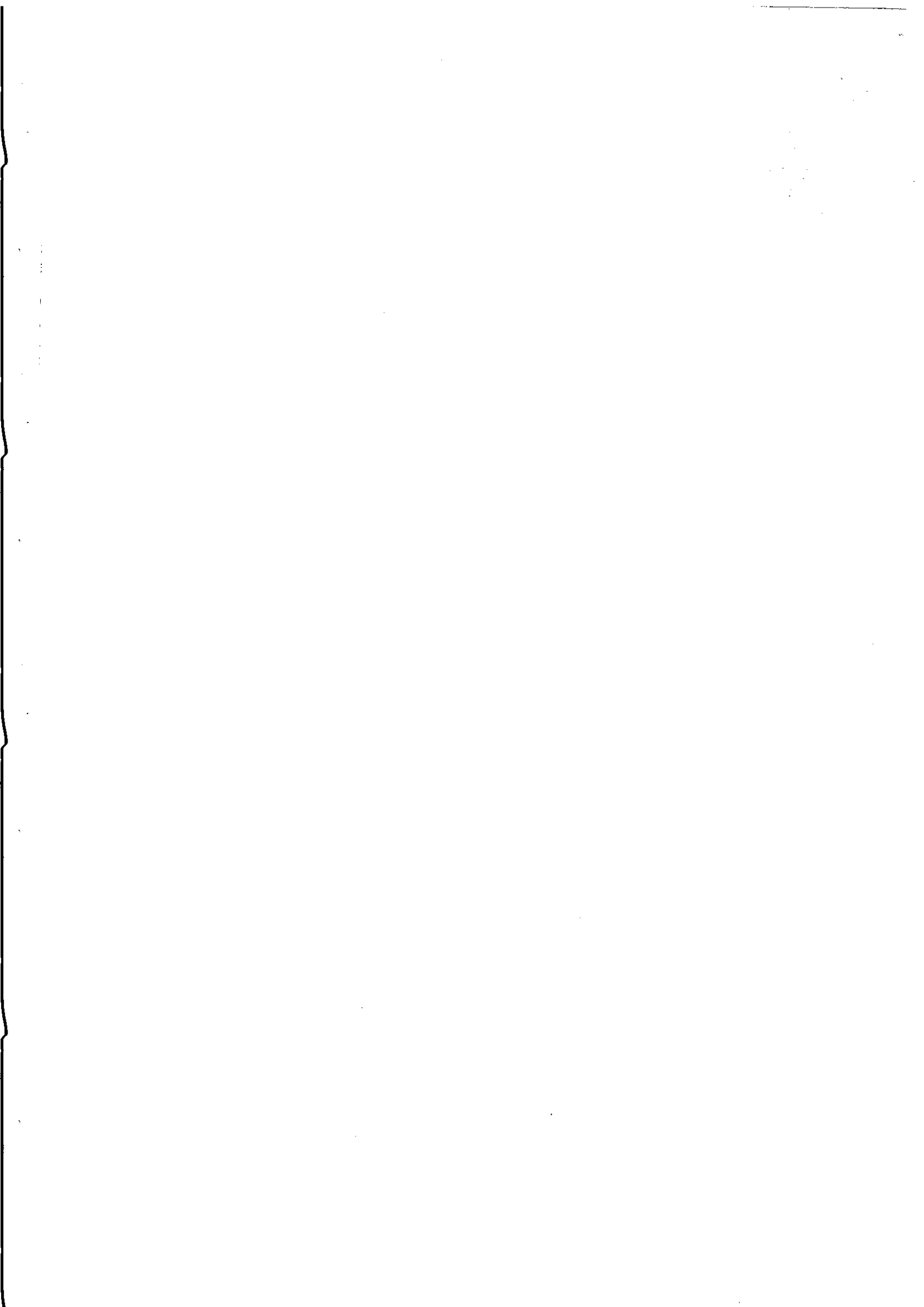
Dựa trên nguyên phụ liệu và tài liệu kỹ thuật do Bên A cung cấp miễn phí, Bên B thực hiện việc gia công hàng may mặc cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng (PCS)	Đơn giá dự kiến CMP (Tiền công) (USD/PCS)	Trị giá CMP (Tiền công) (USD)	Giá FOB dự kiến (Trị giá sản phẩm)	Tổng trị giá sản phẩm (FOB)
1	Quần áo các loại	5,000,000	6.20	31.000.000	11.00	55.000.000

- Tên hàng, ký mã hiệu, số lượng, đơn giá, tổng trị giá, thời hạn giao nguyên phụ liệu và thời hạn giao hàng sẽ được thể hiện cụ thể trong phụ lục kèm theo của hợp đồng.
- Với mỗi loại mã hàng cụ thể sẽ được đề cập trong các phụ lục hợp đồng, số lượng sản phẩm của mỗi mã hàng được chấp nhận chênh lệch $\pm 3\%$.

III. QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, TÀI LIỆU KỸ THUẬT VÀ GIAO NHẬN NGUYÊN PHỤ LIỆU:

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B thời gian giao nguyên phụ liệu và hồ sơ chứng từ nhập nguyên phụ liệu trước khi tàu cập cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài là 03



ngày. Trong trường hợp nếu gửi chậm hơn ngày tàu cập cảng mà ảnh hưởng đến việc nhận nguyên phụ liệu thì bên A phải chịu trách nhiệm.

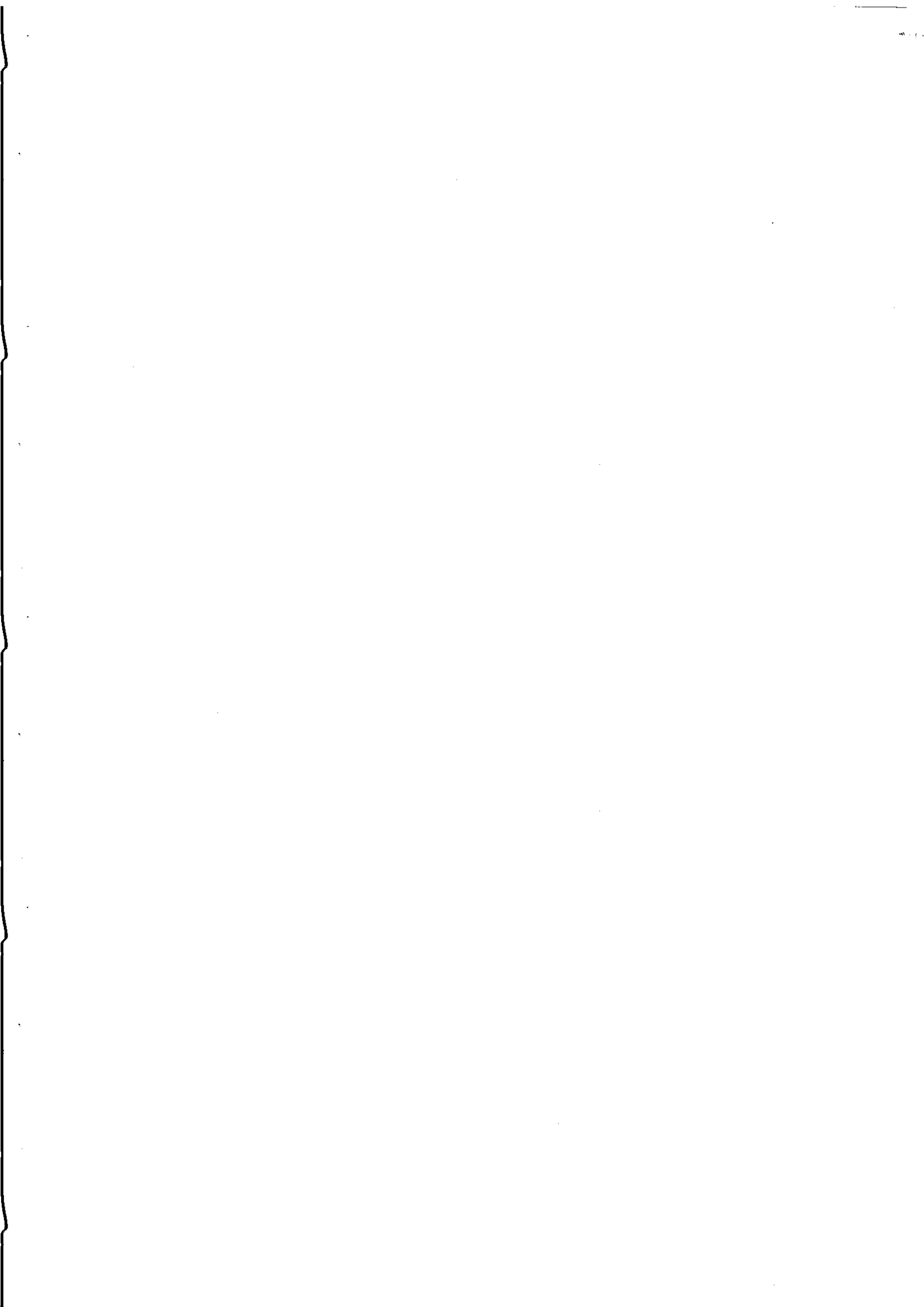
- Bên A sẽ cung cấp miễn phí nguyên phụ liệu cho bên B theo điều kiện C.I.F Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (theo Incoterm 2010) không thanh toán. Bên B có trách nhiệm làm thủ tục nhận nguyên phụ liệu về đến xí nghiệp của mình.
- Toàn bộ nguyên phụ liệu do bên A cung cấp trên cơ sở nhập từ nước ngoài. Trong trường hợp do những nguyên phụ liệu bên A không kịp gửi sang, bên A sẽ mua nguyên phụ liệu trong nước hoặc uỷ quyền cho bên B tự cung ứng nguyên phụ liệu trong nước, toàn bộ chi phí mua nguyên phụ liệu trong nước do bên A chịu.
- Trong quá trình gia công nếu cần thiết bên A sẽ cho bên B mượn một số máy móc chuyên dùng để sản xuất. Số máy móc đó khi hết hạn hợp đồng sẽ được chuyển giao sang hợp đồng tiếp theo hoặc xuất trả bên A.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có nguyên phụ liệu bị sai, hỏng, không đúng qui cách, sẽ được tái xuất trả lại cho bên A. Nguyên phụ liệu do bên A cung cấp bao gồm cả 0%-3% hao phí như trong bản thống nhất định mức. Sau khi hai bên đã thống nhất định mức thì bên B không được đòi hỏi gì thêm.
- Bên A cung cấp miễn phí cho bên B mẫu, pattern, bảng phối màu, qui trình, v.v.
- Bên B phải thông báo cho bên A biết thời gian và địa điểm kiểm tra nguyên phụ liệu. Khi kiểm tra kiện phải có đại diện của bên A cùng kiểm. Bên B không chịu trách nhiệm việc thiếu số lượng trong kiện nếu việc kiểm kiện không có đại diện của Bên A cùng kiểm. Trong trường hợp thông báo mà không có đại diện của Bên A khi kiểm hàng thì bên B vẫn tiến hành kiểm hàng và mọi thông báo sau khi kiểm hàng của Bên B Bên A đều phải chấp nhận.
- Bên B thông báo cho bên A biết số lượng nguyên phụ liệu thiếu thừa so với Packing list trong vòng 03 ngày tính từ ngày kết thúc việc kiểm tra nguyên phụ liệu.
- Trong trường hợp ngày giao nguyên phụ liệu bị chậm so với kế hoạch gửi thì thời gian hàng cũng sẽ kéo dài tương ứng. Và bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A tại địa điểm được thông báo nguyên phụ liệu bị chậm.

IV. GIAO THÀNH PHẨM

- Trước ngày giao thành phẩm bên B phải gửi cho bên A mỗi mã hàng 3 mẫu tốt không nằm trong số lượng giao hàng để gửi cho khách hàng.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất thành phẩm theo hướng dẫn của bên A và giao hàng đến tận cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài theo điều kiện F.O.B Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (Incoterm 2010).
- Sau khi giao hàng 03 ngày bên B phải giao bộ chứng từ thanh toán cho bên A.
- Đại diện bên A sẽ trực tiếp theo dõi sản xuất tại nhà máy từ lúc giải chuyên đến khi giao hàng. Bên A chịu trách nhiệm trả lương cho chuyên gia nước ngoài do bên A điều đến làm việc tại nhà máy.
- Bên B có trách nhiệm tạo điều kiện tốt và thực hiện những yêu cầu của chuyên gia Bên A để sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt nhất.
- Bên B có trách nhiệm giao thành phẩm với chất lượng đã được sự đồng ý của bên A.
- Sau khi giao hàng 7 ngày hai bên phải cùng nhau thanh quyết toán nguyên phụ liệu của những mã hàng đã kết thúc. Nguyên phụ liệu thừa sẽ chuyển vào những mã hàng sau và đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phế liệu, phế thải sẽ được tiêu huỷ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

V. NHÃN MÁC VÀ THẺ BÀI:

- Bên A xác nhận toàn bộ nhãn mác thẻ bài phục vụ cho việc sản xuất tại bên B là hoàn toàn độc quyền sử dụng của bên A. Chi tiết nhãn mác như sau: nhãn **UNIQLO**
- Bên B chỉ sản xuất và xuất khẩu theo hướng dẫn của bên A.



- Nếu có sự tranh chấp về nhãn mác, thẻ bài bên B hoàn toàn không chịu trách nhiệm, kể cả tên gọi xuất xứ hàng hoá.
- Những nhãn mác được đăng ký tại Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu. Bên A cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý và giải quyết các tranh chấp có liên quan đến việc tranh chấp và sử dụng tên gọi của nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ của hàng hoá được gắn trên sản phẩm bao bì hàng hoá đó.
- Nếu tên gọi, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá đó trùng với tên gọi nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam thì phải trình giấy chứng nhận bản quyền do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.
- Hàng hoá do bên B gia công sản xuất có xuất xứ tại Việt Nam.

VI. TỰ CUNG ỨNG :

- Bên B phải đặt Chỉ may, Túi PE, Băng Dính, Đạn nhựa, Giấy chống ẩm, Thùng, Móc treo, bóng các loại tại Việt Nam và chất lượng theo yêu cầu của bên A. Toàn bộ số lượng do bên B tự cung ứng để phục vụ gia công, và được bên A tính thêm vào giá gia công.
- Bên A sẽ gửi cho bên B mác in thùng trước khi bên B đặt thùng (giá bao bì nằm trong giá gia công). Bên A chịu trách nhiệm về nhãn mác dán trên bao bì sản phẩm).

VII. THANH TOÁN

- Thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ theo hình thức LC hoặc TTR cho mỗi chuyến hàng vào tài khoản của bên B - Công ty cổ phần - Tổng công ty May Bắc Giang. Số TK 0351 370 121 199 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang.
- Chứng từ thanh toán gồm:
 - + Vận đơn gửi hàng (BILL OF LADING/AIRWAY BILL): 3/3 bản gốc.
 - + Hóa đơn thương mại (COMMERCIAL INVOICE): 03 bản gốc.
 - + Bảng liệt kê hàng hoá (PACKING LIST): 03 bản gốc.
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ (CERTIFICATE OF ORIGIN): 01 bản gốc.
 - + Giấy phép xuất khẩu (EXPORT LICENCE)/ VISA (nếu có): 01 bản gốc.

VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁC:

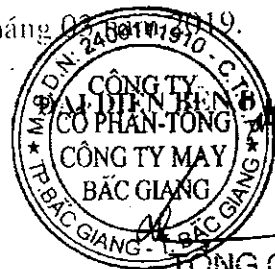
- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều kiện và điều khoản đã nêu trong Hợp đồng.
- Bất kỳ một sự sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này chỉ có hiệu lực bằng văn bản và có chữ ký xác nhận sự thoả thuận của hai Bên. Trường hợp có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Hội đồng trọng tài kinh tế khu vực Hà Nội và phán quyết của Hội đồng trọng tài là quyết định cuối cùng. Bên nào thua kiện thì bên đó chịu mọi phí tổn.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý tương đương.
- Hợp đồng có hiệu lực tính từ ngày ký đến ngày 22 tháng 02 năm 2019.

ĐẠI DIỆN BÊN A

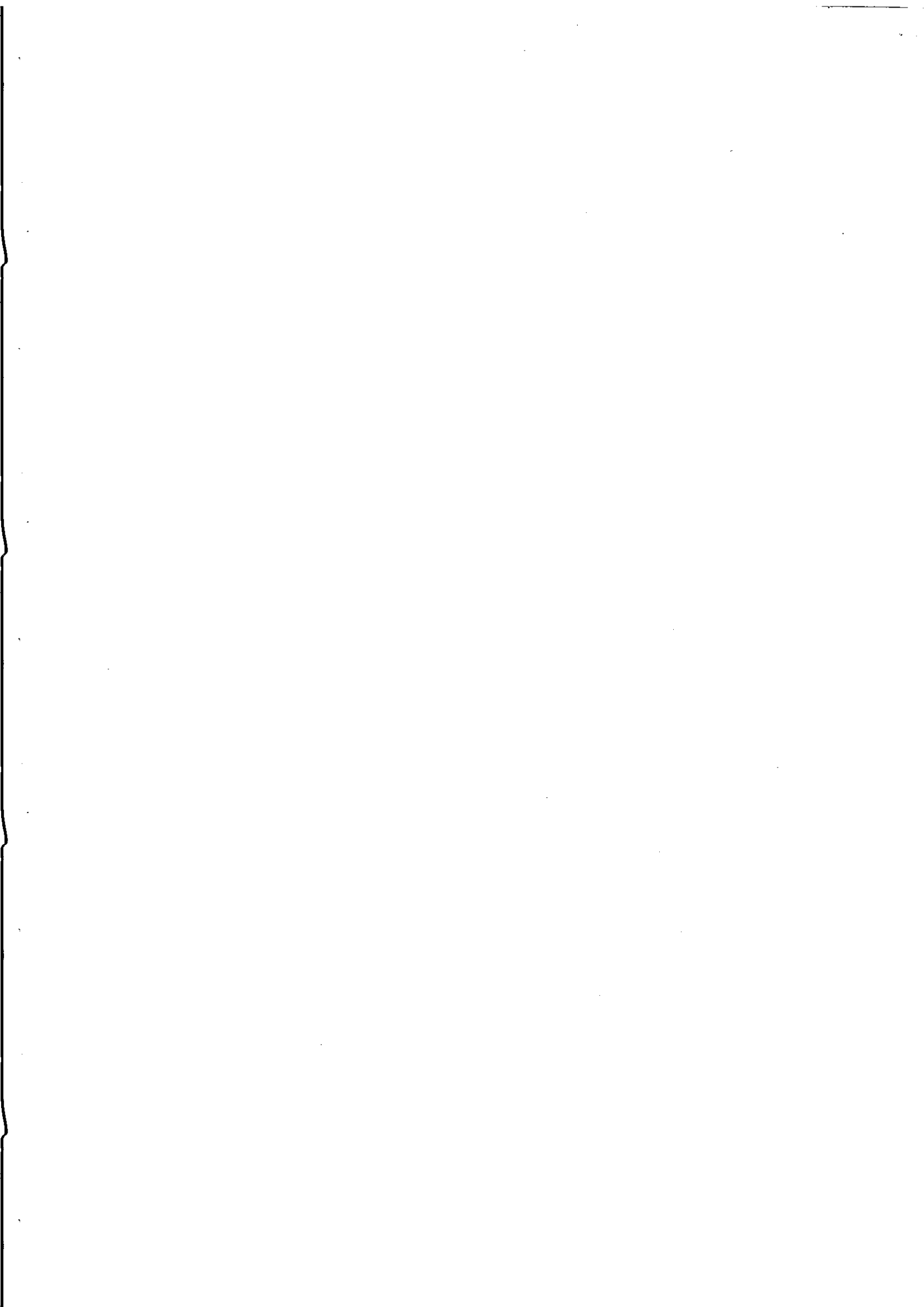
Mitsubishi Corporation

Tadikawa

T. Tadikawa
General Manager
Mitsubishi



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU PHẢI



HỢP ĐỒNG GIA CÔNG
SỐ: 01/BG-SA/17

Ngày: 06/02/2017

Giữa: CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG
Địa chỉ: Số 349- Đường Giáp Hải - Đình Kế - TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
Tel: (84) 2403 558156 Fax: (84) 2403 557 382
Do ông Nguyễn Hữu Phải - Tổng giám đốc làm đại diện
Được gọi là **bên A (Bên nhận gia công)**

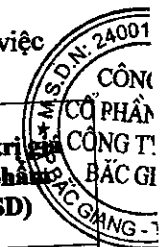
Và: SAE-A EINS INC
Địa chỉ: 21, TEHERAN-RO 104-GIL, GANGNAM-GU, SEOUL, KOREA
Do ông HA JUNG SU - Chủ tịch làm đại diện
Được gọi là **bên B (Bên đặt gia công)**

Hai bên nhất trí ký hợp đồng gia công theo những điều kiện và điều khoản sau:

I - TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ GIA CÔNG, TỔNG GIÁ:

❖ Dựa trên nguyên phụ liệu và tài liệu kỹ thuật do Bên B cung cấp miễn phí, Bên A thực hiện việc gia công hàng may mặc cụ thể như sau:

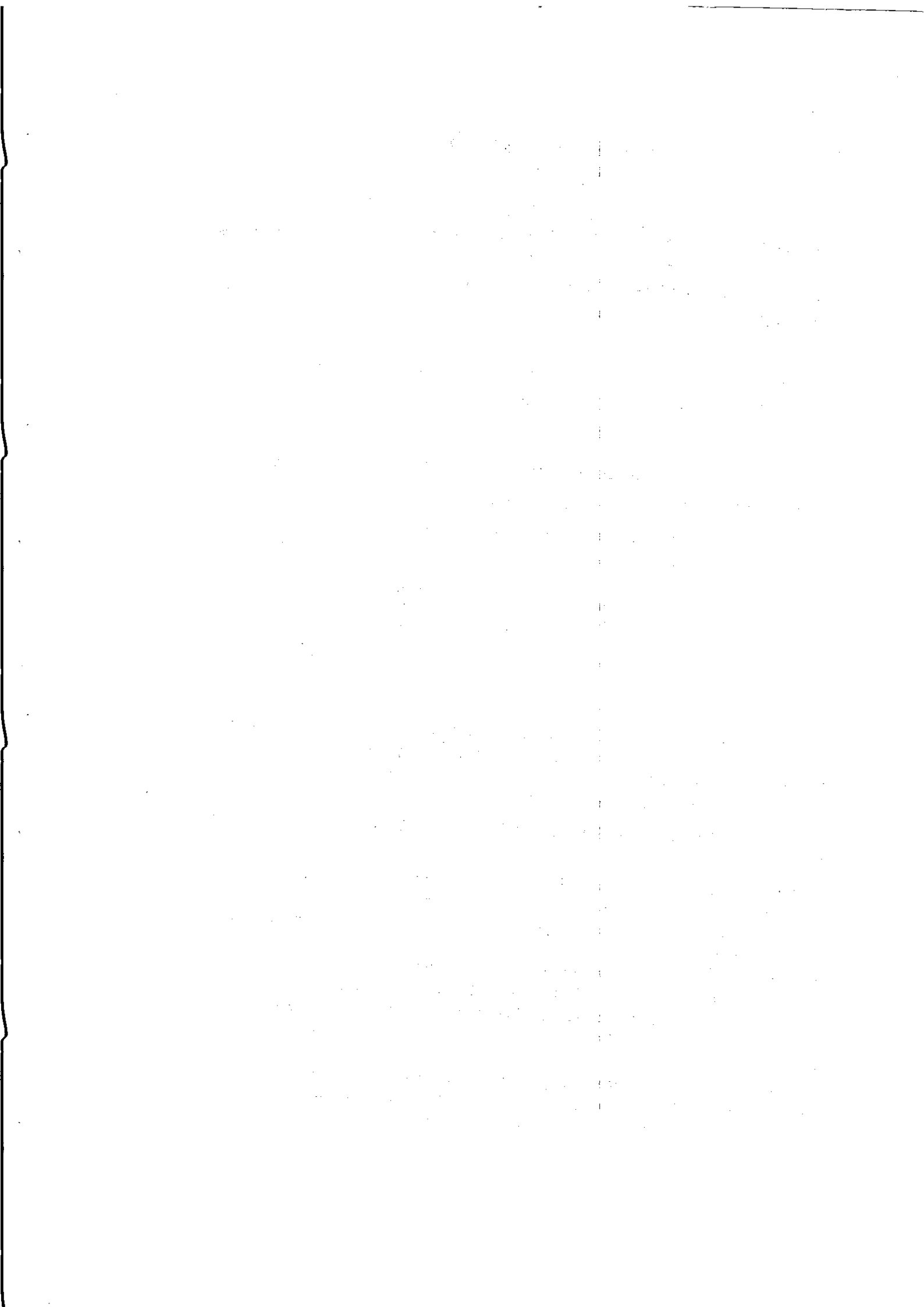
STT	Tên hàng	Số lượng (PCS)	Đơn giá gia công (USD/PCS)	Đơn giá FOB (USD/PCS)	Tổng trị giá gia công (USD)	Tổng trị giá sản phẩm (USD)
1	Quần áo các loại	500,000	~5	~18	~2,500,000	~9,000,000



- Tên hàng, ký mã hiệu, số lượng, đơn giá, tổng trị giá, thời hạn giao nguyên phụ liệu và thời hạn giao hàng sẽ được thể hiện cụ thể trong phụ lục kèm theo của hợp đồng.
- Với mỗi loại mã hàng cụ thể sẽ được đề cập trong các Phụ lục Hợp đồng, số lượng sản phẩm của mỗi mã hàng được chấp nhận chênh lệch $\pm 5\%$.

II - QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, TÀI LIỆU KỸ THUẬT VÀ GIAO NHẬN NGUYÊN PHỤ LIỆU:

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A thời gian giao nguyên phụ liệu và hồ sơ chứng từ nhập nguyên phụ liệu trước khi tàu cập cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài là 03 ngày. Trong trường hợp nếu gửi chậm hơn ngày tàu cập cảng mà ảnh hưởng đến việc nhận nguyên phụ liệu thì Bên B phải chịu trách nhiệm.
- Bên B sẽ cung cấp miễn phí nguyên phụ liệu cho Bên A theo điều kiện C.I.F Hải Phòng, C.I.F Hồ Chí Minh hoặc C.P.T Nội Bài, C.P.T Tân Sơn Nhất (theo INCOTERM 2000) không thanh toán. Bên A có trách nhiệm làm thủ tục nhận nguyên phụ liệu về đến nơi sản xuất của mình.
- Nếu xảy ra thất thoát trong quá trình vận chuyển và trong quá trình sản xuất thì bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Toàn bộ nguyên phụ liệu do Bên B cung cấp trên cơ sở nhập từ nước ngoài. Trong trường hợp do những nguyên phụ liệu bên B không kịp gửi sang, bên A sẽ mua nguyên phụ liệu trong nước hoặc uỷ quyền cho bên A tự cung ứng nguyên phụ liệu trong nước.



- Trong quá trình gia công nếu cần thiết Bên B sẽ cho bên A mượn một số máy móc chuyên dùng để sản xuất. Số máy móc đó khi hết hạn hợp đồng sẽ được chuyển giao sang hợp đồng tiếp theo hoặc xuất trả bên B theo chỉ định.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có nguyên phụ liệu bị sai, hỏng, không đúng qui cách, sẽ được tái xuất trả lại cho bên B. Nguyên phụ liệu do bên B cung cấp bao gồm cả 0%-3% hao hụt như trong bản thống nhất định mức. Tỷ lệ tiêu hao NPL do khách hàng cung cấp miễn phí là 0-3% dùng để tiêu hao khi tạo ra sản phẩm mang tính kỹ thuật, hàng lỗi, hỏng, mất mát, chế tạo sản phẩm mẫu để cung cấp miễn phí 1-5 chiếc cho khách hàng không thanh toán tại nhà máy (mẫu đối, mẫu đầu chuyên, mẫu test...). Sau khi hai bên đã thống nhất định mức thì Bên A không được đòi hỏi gì thêm.
- Bên B cung cấp miễn phí cho Bên A mẫu, pattern, bảng phối màu, qui trình, v.v...

III - GIAO THÀNH PHẨM

- Trước ngày giao thành phẩm bên A phải gửi cho bên B mỗi mã hàng 1-5 mẫu tốt không nằm trong số lượng giao hàng để gửi cho khách hàng.
- Bên A có trách nhiệm làm thủ tục xuất thành phẩm theo hướng dẫn của bên B và giao hàng đến tận cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài theo điều kiện F.O.B Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (Incoterm 2000).
- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện tốt và thực hiện những yêu cầu của chuyên gia Bên B để sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt.
- Bên A phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của mình đến tận tay khách hàng (trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành B/L).
- Trong trường hợp sản phẩm có dính kim loại như kim máy, kim khâu, kéo, v.v... và các tạp chất khác làm ảnh hưởng tới sức khoẻ của khách hàng thì bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và phải bồi thường cho khách hàng.
- Nguyên phụ liệu thừa sau khi quyết toán sẽ được chuyển sử dụng cho những mã hàng sau và đến khi kết thúc hợp đồng, nếu còn thừa nguyên phụ liệu bên A sẽ tái xuất trả lại cho bên B hoặc chuyển tiếp sang hợp đồng khác theo chỉ định của bên B.
- Phế liệu, phế thải sẽ được tiêu hủy theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

IV - NHÃN MÁC VÀ THẺ BÀI:

- Bên B xác nhận toàn bộ nhãn mác thẻ bài phục vụ cho việc sản xuất tại Bên A là hoàn toàn độc quyền sử dụng của Bên B, chi tiết nhãn mác: CABELA'S,...
- Bên A chỉ sản xuất và xuất khẩu theo hướng dẫn của Bên B.
- Nếu có sự tranh chấp về nhãn mác, thẻ bài bên A hoàn toàn không chịu trách nhiệm, kể cả tên gọi xuất xứ hàng hoá.
- Những nhãn mác được đăng ký tại Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu. Bên B cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý và giải quyết các tranh chấp có liên quan đến việc tranh chấp và sử dụng tên gọi của nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ của hàng hoá được gắn trên sản phẩm bao bì hàng hoá đó.
- Nếu tên gọi, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá đó trùng với tên gọi nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam thì phải trình giấy chứng nhận bản quyền do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.
- Hàng hoá do bên A gia công sản xuất có xuất xứ tại Việt Nam.

V - ĐẶT THÙNG CARTON:

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

- Bên A phải đặt thùng tại Việt Nam và chất lượng theo yêu cầu của bên B. Số thùng carton do bên A tự cung ứng để phục vụ gia công, và được bên A tính thêm vào giá gia công.
- Bên B sẽ gửi cho bên A macca in thùng trước khi bên A đặt thùng. Bên B chịu trách nhiệm về nhãn mác dán trên bao bì sản phẩm.

VI - THANH TOÁN

- Thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ theo hình thức theo hình thức LC/T.T.R sau khi xuất hàng từ 20-65 ngày vào tài khoản của bên A - Công ty cổ phần-Tổng công ty may Bắc Giang số: **004 035 290 002** tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á- chi nhánh Bắc Giang.
- Chứng từ thanh toán gồm:
 - + Vận đơn gửi hàng (BILL OF LADING/AIRWAY BILL): 3/3 bản gốc.
 - + Hóa đơn thương mại (COMMERCIAL INVOICE): 03 bản gốc.
 - + Bảng liệt kê hàng hoá (PACKING LIST): 03 bản gốc.
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ (CERTIFICATE OF ORIGIN): 01 bản gốc.

VII - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁC:

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều kiện và điều khoản đã nêu trong Hợp đồng.
- Bất kỳ một sự sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này chỉ có hiệu lực bằng văn bản và có chữ ký xác nhận sự thoả thuận của hai Bên.
- Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, đình công, động đất, chiến tranh, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản để miễn trách nhiệm pháp lý do các nguyên nhân trên gây ra.
- Trường hợp có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Ủy ban trọng tài quốc tế tại phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Phán quyết của Ủy ban trọng tài là quyết định cuối cùng, bên nào thua kiện thì bên đó sẽ chịu mọi phí tổn.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản của mỗi thứ tiếng có giá trị pháp lý tương đương.
- Hợp đồng có hiệu lực tính từ ngày ký đến ngày 06 tháng 02 năm 2019.
- Bản hợp đồng được kí qua Fax.



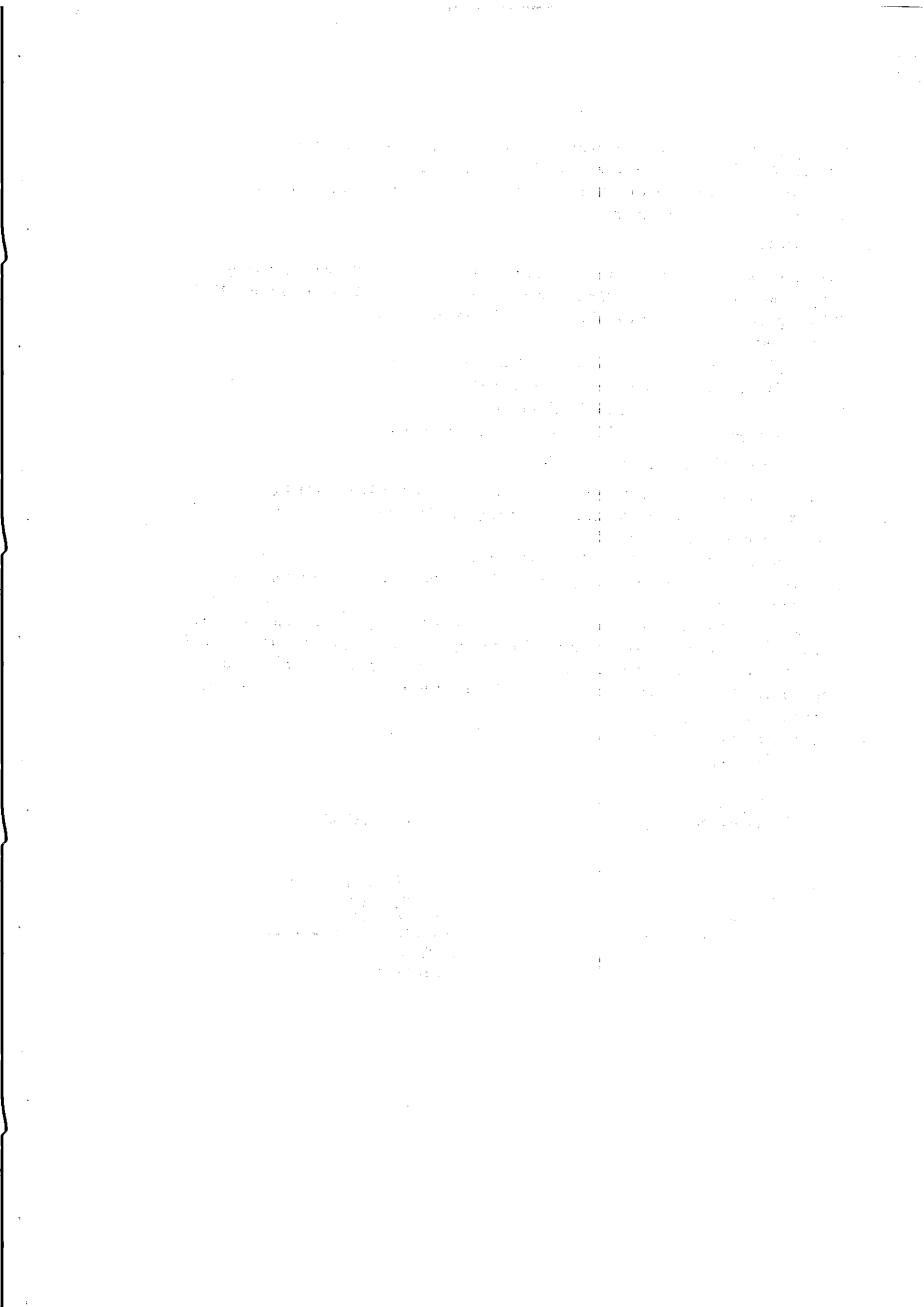
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HỮU PHẢI

ĐẠI DIỆN BÊN B

SAE-A EINS INC.

J. S. Ha

J. S. HA
PRESIDENT



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.598.451.769.223	1.339.768.809.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.982.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.01	1.598.420.787.223	1.339.768.809.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.298.181.081.149	1.059.733.786.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		300.239.706.074	280.035.023.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.132.490.437	11.932.747.604
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	31.238.716.640	44.621.842.836
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	17.712.876.308
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	26.653.818.055	31.537.556.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	96.143.258.725	79.936.483.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		153.336.403.091	135.871.887.294
11. Thu nhập khác	31	VI.07	314.077.367.860	1.341.582.770
12. Chi phí khác	32	VI.08	296.053.024.744	278.016.588
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		18.024.343.116	1.063.566.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		171.360.746.207	136.935.453.476
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	28.008.449.982	24.622.399.489
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		143.352.296.225	112.313.053.987
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập biểu



BẠCH THỊ NGHI

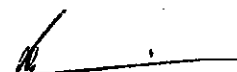
Kế toán trưởng



HOÀNG VĂN LƯỢC

Bắc Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HỮU PHẢI

Báo cáo tài chính cần được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo